| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUY HOÀ**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: **127**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2024
*v/v* Tranh chấp "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ - PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thùy Trân.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo và bà Đào Thị Ngâm.
***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Lê Thục Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 343/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2024, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955; Có mặt.

Trú tại: A N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1956; Có mặt.

Trú tại: A N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 9 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông C và bà Lê Thị Thu S tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 1975 và chung sống như vợ chồng từ đó đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy cả hai không còn hợp nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên trước đây ông C đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng ông C đã rút đơn và Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 vì các con khuyên ngăn. Từ đó, mặc dù ông C đã cố gắng để vợ chồng hàn gắn nhưng vì vợ chồng không còn

tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Hiện nay, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng bà S sống tầng dưới, ông C ở tầng 2, công việc của ai nấy làm và chúng tôi không còn có sự quan tâm lẫn nhau nữa. Ông C nghi ngờ bà S bỏ gì vào nước uống hàng ngày của ông nên ông C lo sợ tính mạng. Ông C không có chứng cứ chứng minh việc làm này của bà S. Nay ông C kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để ổn định cuộc sống của các bên.

- *Về con chung:* Có 05 con chung gồm Nguyễn Thị Tâm M, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1978; Nguyễn Thế P, sinh năm 1980; Nguyễn Thế A, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1987. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

* *Bị đơn bà Lê Thị Thu S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thống nhất như nguyên đơn ông C trình bày. Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1975 và chung sống như vợ chồng từ đó đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không có hạnh phúc. Ông C có tình cảm với người khác nhưng bà S không tài liệu gì để cung cấp cho Toà. Năm 2023, Toà án đã giải quyết việc ly hôn của vợ chồng nhưng sau ông C đã rút đơn lại vì các con khuyên can. Tuy nhiên, từ đó vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau, tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau, ông C đi đâu làm gì thì bà S cũng không quan tâm, việc của ai nấy làm. Tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Việc ông C nghi ngờ bà bỏ thuốc vào nước uống của ông C là hoàn toàn không có căn cứ. Nay ông C tiếp tục xin ly hôn thì bà S vẫn không đồng ý vì các con đã lớn có gia đình, chúng tôi cũng đã lớn tuổi, ly hôn sẽ xấu hổ với mọi người xung quanh.

- *Về con chung:* Thống nhất như nguyên đơn trình bày. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Thu S. Về con chung: các con đã trưởng thành nên không giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không xét. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Thu S tự nguyện tìm hiểu và đi đến chung sống với nhau như vợ chồng, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1976, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên xác nhận. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn văn C và bà Lê Thị Thu S là hôn nhân thực tế trước ngày 03/01/1987 theo hướng dẫn của Thông tư 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BQP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Q nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy: Quá trình chung sống, từ năm 2023 vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Nguyên đơn đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó nguyên đơn đã rút đơn vì các con khuyên ngăn và Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023.

Tuy nhiên từ đó đến nay, ông C và bà S không thể giải quyết được những mâu thuẫn để hàn gắn đời sống vợ chồng, hai bên tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, việc của ai người đó làm và sống ly thân nhau. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tình trạng hôn nhân hiện tại của mình không có hạnh phúc. Bị đơn bà S không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã lớn tuổi, các con cũng đã có gia đình riêng nên ly hôn sẽ ảnh hưởng đến bà và các con. Toà án đã cho các bên thời gian để hoà giải đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Chị Lê Thị Bích H1 là con chung của ông C và bà S trình bày quan hệ hôn nhân của cha mẹ đúng như ông C và bà S trình bày. Cuộc sống hôn nhân của họ đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và không thể

hàn gắn được, càng kéo dài càng gây đau khổ cho mẹ chị, ly hôn là giải pháp tốt cho cha mẹ.

[2.3] Theo hồ sơ Quyết định đình chỉ số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên thể hiện: mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát do bà S nghi ngờ ông C có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến bà S có hành vi xô xát và đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T giải quyết.

[2.4] Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi ông C rút đơn yêu cầu ly hôn và được Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 để các bên hàn gắn đời sống vợ chồng. Tuy nhiên trong thời gian này, các bên vẫn không giải quyết được mâu thuẫn của nhau và để kéo dài nhiều năm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, nguyên đơn ông C yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C được ly hôn với bà S.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày có 05 con chung Nguyễn Thị Tâm M, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1978; Nguyễn Thế P, sinh năm 1980; Nguyễn Thế A, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1987. Hiện nay, các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014. Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; mục 1 của Thông tư 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BQP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Q; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C;

+Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Thu S.

+Về con chung và tài sản chung: Không xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thảo Đào Thị N** **Bùi Thị Thuỳ Trân**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh Phú Yên ;
- VKSND Tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- UBND xã Hoà Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP . Tuy Hòa;
- Lưu.

**Bùi Thị Thùy Trân**

\

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Khắc Hiếu Đào Thị NgâmBùi Thị Thùy Trân**

**Lương Thành Trung**